

BÁO CÁO

CÔNG KHAI CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định Công khai báo cáo về cơ sở giáo dục của mình như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (*biểu 20 đính kèm*)
2. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:
 - a. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2014: (*biểu 23 đính kèm*)
 - b. Cơ sở vật chất của nhà trường (*biểu 23 đính kèm*)
3. Công khai thu chi tài chính:
 - a. Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học:
 - Học phí: Thu theo Quyết định số 309/QĐ-CĐCNNĐ ngày 09 tháng 6 năm 2014 là: 135.000 đ/tín chỉ.
 - Lệ phí tuyển sinh thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Các khoản thu khác: không
 - b. Các nguồn thu khác của trường:
 - Thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học: 100.000.000 đ
 - Thu lệ phí nội trú: 60.000đ/tháng/sinh viên.
 - c. Ngân sách nhà nước cấp: 18.661.182.000đ
 - Chi thường xuyên (tự chủ): 13.800.000.000 đ
 - Chi không thường xuyên (không tự chủ) trong đó:
 - + Mua sắm, sửa chữa: 3.590.000.000 đ
 - + Tinh giảm biên chế: 0 đ
 - + Chương trình mục tiêu: 0 đ
 - + Đề tài khoa học: 110.000.000 đ
 - + Đào tạo lại: 60.000.000 đ
 - d. Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, học bổng, trợ cấp:
 - Chính sách miễn giảm học bổng năm 2014: 0 đ

- Chính sách miễn giảm học phí: 1.111.182.500 đ

+ Miễn học phí cho 101 học sinh, sinh viên.

+ Giảm 50% học phí cho các đối tượng nghèo: 0 học sinh, sinh viên

e. Kết quả kiểm toán năm 2014:

f. Thu nhập bình quân/tháng của giảng viên, cán bộ quản lý và của nhân viên phục vụ năm 2014: 6.514.600 đồng.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

Biểu mẫu 20
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT
ngày 07 tháng 5 năm 2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
Trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định năm học 2013-2014

STT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy			
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng
I	Điều kiện tuyển sinh				Văn hoá: Tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương Sức khoẻ: Theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế Việt Nam Độ tuổi: Theo quy chế tuyển sinh của bộ giáo dục và đào tạo
II	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)				Hàng năm trường đều đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, sách thư viện phục vụ việc giảng dạy và học tập của các ngành đào tạo. Đến nay nhìn chung về phòng học, trang thiết bị và sách thư viện cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của sinh viên trong trường
III	Đội ngũ giảng viên				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học				
V	Yêu cầu về thái độ học tập của người học				- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, có tác phong công nghiệp, chấp hành pháp luật, nội quy của cơ quan; - Có ý thức trách nhiệm công dân, cộng đồng; làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
VI	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được				Trình độ B tiếng Anh theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ				1. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật viên trình độ cao đẳng tại các công ty, xí nghiệp, nhà máy gia công chế tạo, lắp ráp thiết bị Cơ điện tử; - Tham gia thiết kế, lắp đặt, khai thác và sửa chữa, thiết bị Cơ điện tử. 2. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Các công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí hoặc trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực cơ khí, ... với vai trò người thực hiện trực tiếp hay người quản lý, điều hành hoặc độc lập sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí. - Tham gia giảng dạy ở các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực cơ khí. 3. Ngành Công nghệ may - Trực tiếp làm việc tại các vị trí trong doanh nghiệp may công nghiệp: phòng kỹ thuật, KCS, phân xưởng cắt, may, hoàn thiện,...

				<p>- Tham gia tổ chức quản lý và điều hành sản xuất may công nghiệp</p> <p>4. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</p> <p>- Triển khai các ứng dụng của ngành điện trong thực tế; xây dựng, quản lý và điều hành sản xuất tại các phân xưởng trong các doanh nghiệp công nghiệp.</p> <p>- Kỹ thuật viên trình độ cao đẳng tại các công ty, xí nghiệp công nghiệp, các nhà máy điện; các công ty tư vấn, thiết kế và xây lắp điện; các công ty điện lực, các cơ sở đào tạo và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử</p> <p>- Tham gia đào tạo ở các trình độ thấp hơn về kỹ thuật điện, điện tử</p> <p>5. Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</p> <p>- Kỹ thuật viên trình độ cao đẳng tại các nhà máy, xí nghiệp sản xuất dây chuyền tự động, các cơ sở sản xuất, kinh doanh điện, thiết bị điện,...</p> <p>- Tham gia đào tạo ở các trình độ thấp hơn về lĩnh vực điện tự động hóa</p> <p>6. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông</p> <p>- Có thể đảm nhiệm các công việc thi công lắp ráp các thiết bị điện tử</p> <p>- Làm việc tại cửa hàng, trạm, doanh nghiệp, công ty điện tử; các nhà máy sản xuất linh kiện và lắp ráp các thiết bị điện tử ; Các doanh nghiệp kinh doanh, các đơn vị hành chính có sử dụng các thiết bị truyền thông. Với vai trò người thực hiện trực tiếp hay người quản lý, điều hành.</p> <p>- Tham gia đào tạo ở các trình độ thấp hơn về kỹ thuật điện tử, truyền thông</p> <p>7. Ngành Công nghệ hàn</p> <p>- Các công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí hoặc trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực cơ khí, ... với vai trò người thực hiện trực tiếp hay người quản lý, điều hành hoặc độc lập sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí.</p> <p>- Tham gia giảng dạy ở các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực cơ khí.</p> <p>8. Ngành Kế toán</p> <p>- Làm kế toán viên, kế toán tổng hợp ở các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội.</p> <p>- Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về lĩnh vực kế toán.</p> <p>9. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt</p> <p>- Có thể đảm nhiệm các công việc thi công lắp đặt các hệ thống nhiệt lạnh</p> <p>- Vận hành, bảo dưỡng các hệ thống lạnh trong các nhà máy chế biến thủy hải sản, thực phẩm, các hệ thống điều hòa cục bộ, trung tâm.</p> <p>- Làm việc tại các hộ cấp nhiệt sử dụng trong công nghiệp và đời sống, các cơ sở và doanh nghiệp kinh doanh sử dụng máy lạnh và điều hòa không khí. Với vai trò người thực hiện trực tiếp hay người quản lý, điều</p>
--	--	--	--	--

				<p>hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đào tạo ở các trình độ thấp hơn về kỹ thuật lạnh & ĐHKK <p>10. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các nhà máy lắp ráp ô tô; các cơ sở sửa chữa ô tô; các doanh nghiệp liên quan đến ngành công nghệ ô tô... với vai trò người thực hiện trực tiếp hay quản lý điều hành hoặc độc lập sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ ô tô. - Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về công nghệ ô tô. <p>11. Ngành Quản trị kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các bộ phận quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị vật tư, phòng kinh doanh, ... trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội. - Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về lĩnh vực quản trị kinh doanh. <p>12. Ngành Tin học ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các công ty tư nhân liên quan đến lĩnh vực đồ họa ứng dụng như: thiết kế đồ họa, quảng cáo, làm phim, game, hoạt hình 3D, thiết kế web, thiết kế trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. - Làm việc trong các lĩnh vực phân tích, thiết kế, cài đặt và quản trị website. - Tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo cán bộ kỹ thuật công nghệ thông tin hệ trung học và nhân viên công nghệ thông tin. - Có khả năng tự tìm ra việc làm hoặc thành lập các công ty tư nhân trong lĩnh vực đồ họa, quảng cáo, quản trị website. <p>13. Ngành Thiết kế thời trang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp làm việc tại các vị trí của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thời trang, doanh nghiệp may. - Tham gia tổ chức quản lý và điều hành sản xuất sản phẩm thời trang hoặc độc lập sản xuất, kinh doanh thời trang.
--	--	--	--	--

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

Biểu mẫu 21
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT
ngày 07 tháng 5 năm 2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng đào tạo thực tế của
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm học 2013 - 2014

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại TB	
	Cao đẳng chính quy	2013-2014							
1	Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	52	193	121			15	101	100%
2	Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	52	20	20			1	19	100%
3	Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện	52	250	138			31	107	100%
4	Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông	52	43	43			3	40	100%
5	Ngành Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	52	17	17			4	13	100%
6	Ngành Công nghệ Thông tin	52	37	33			12	21	75%
7	Ngành Công nghệ May	52	129	73			21	52	100%
8	Ngành Kế toán	52	881	677		14	439	224	50%
9	Ngành Quản trị kinh doanh	52	59	59			41	18	50%

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

Biểu mẫu 22
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT
ngày 07 tháng 5 năm 2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai cơ sở vật chất của
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm học 2013-2014

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Diện tích đất đai	ha	13,616
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	16.573,6
1	Giảng đường		
	Số phòng học	phòng	43
	Tổng diện tích	m ²	5.699,5
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng học	phòng	11
	Tổng diện tích	m ²	742
3	Phòng học ngoại ngữ		
	Số phòng học	phòng	01
	Tổng diện tích	m ²	90
4	Thư viện	m ²	451
5	Phòng thí nghiệm		
	Số phòng học	phòng	01
	Tổng diện tích	m ²	36
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Số phòng học	phòng	47
	Tổng diện tích	m ²	4.466,8
7	KTX thuộc cơ sở đào		
	Số phòng học	phòng	58
	Tổng diện tích	m ²	2.983,6
8	Diện tích nhà ăn		594
9	Diện tích khác		
	Diện tích hội trường	m ²	451
	Diện tích nhà văn hóa	m ²	0
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	1.200
	Diện tích bể bơi	m ²	0
	Diện tích sân vận động	m ²	4.500

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm học 2013 - 2014

Đơn vị tính: Người

STT	Nội dung	Tổng số	Giáo sư	Phó Giáo sư	TSKH, tiến sỹ	Thạc sĩ	Cử nhân	Khác
	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số							
1	Khoa Công nghệ thông tin	15				8	7	
2	Khoa Điện, Điện tử	31				15	16	
3	Khoa Cơ khí & Động lực	19				11	8	
4	Khoa Khoa học cơ bản	26				6	20	
5	Khoa Chính trị Luật	17				10	7	
6	Khoa Kinh tế	26				9	17	
7	Khoa Công nghệ may thời trang	18				4	14	
8	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	7				3	4	
9	Trung tâm TH & DV SX	26				6	19	1
10	Giảng viên nghiệp vụ	24			3	14	7	

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

Biểu mẫu 24
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT
ngày 07 tháng 5 năm 2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm học 2013 - 2014

		Đơn vị	Số lượng
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2013 - 2014	<i>Triệu đồng/năm</i>	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		
4	Cao đẳng (kỳ I năm học 2013 - 2014)		10.366,297
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2013 - 2014	<i>Triệu đồng/năm</i>	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		
4	Cao đẳng		
III	Học phí hệ vừa làm vừa học tại trường năm học 2013 - 2014	<i>Triệu đồng/năm</i>	
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Đại học		
4	Cao đẳng (kỳ I năm học 2013-2014)		
IV	Tổng thu năm 2014	<i>Tỷ đồng</i>	34,551
1	Từ Ngân sách		18,561
2	Từ học phí, lệ phí		13,261
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ		0,100
4	Từ nguồn khác		2,628

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

BIỂU TỔNG HỢP
Một số thông tin công khai của
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm học 2013-2014
(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Hình thức công khai: Báo cáo về Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tin trên Website
- Địa chỉ website: www.cnd.edu.vn

TT	Thông tin	Đơn vị	Số lượng
1	Số ngành trường đang đào tạo	<i>Ngành</i>	
2	Số ngành đã công bố chuẩn đầu ra	<i>Ngành</i>	
3	Diện tích đất của trường	<i>Ha</i>	13,616
4	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo:	<i>m2</i>	10.653,3
4.1	<i>Diện tích phòng học các loại</i>	-	5.699,5
4.2	<i>Diện tích thư viện</i>	-	451
4.3	<i>Diện tích phòng thí nghiệm</i>	-	36
4.4	<i>Diện tích nhà xưởng thực hành</i>	-	4.466,8
5	Diện tích sàn xây dựng ký túc xá của trường	<i>m2</i>	2.983,6
6	Tổng số giảng viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn:	<i>Người</i>	
6.1	<i>Giáo sư</i>	-	
6.2	<i>Phó giáo sư</i>	-	
6.3	<i>TSKH, tiến sỹ</i>	-	3
6.4	<i>Thạc sỹ</i>	-	124
6.5	<i>Cử nhân</i>	-	72
7	Tổng số sinh viên, học sinh hệ chính quy:	<i>Người</i>	1629
7.1	<i>Nghiên cứu sinh</i>	-	
7.2	<i>Học viên cao học</i>	-	
7.3	<i>Đại học</i>	-	
7.4	<i>Cao đẳng</i>	-	
7.5	<i>Trung cấp chuyên nghiệp</i>	-	
8	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu từ thạc sỹ trở lên	<i>%</i>	42
9	Mức học phí hệ chính quy năm 2013-2014:	<i>Tr. đồng/năm</i>	
9.1	<i>Tiến sỹ</i>	-	
9.2	<i>Thạc sỹ</i>	-	
9.3	<i>Đại học</i>	-	
9.4	<i>Cao đẳng</i>	<i>Đồng/tín chỉ</i>	135.000
10	Tổng thu năm 2014	<i>Tỷ đồng</i>	34,551
10.1	<i>Từ ngân sách</i>	-	18,561
10.2	<i>Từ học phí, lệ phí</i>	-	13,261
10.3	<i>Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ</i>	-	0,120
10.4	<i>Từ nguồn khác</i>	-	2,628

Nam Định, ngày 17 tháng 11 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Vũ Trọng Nghị